

# BẢO VỆ QUYỀN VÀ LỢI ÍCH CHÍNH ĐÁNG CỦA CHỦ NỢ DƯỚI GÓC NHÌN CỦA LUẬT PHÁ SẢN NĂM 2014

■ ThS. MAI VÂN ANH\*

**Tóm tắt:** Bài viết tập trung phân tích một số quy định trong Luật Phá sản năm 2014 để làm rõ vấn đề bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của chủ nợ, đồng thời phân tích các bất cập trong quy định pháp luật hiện hành, từ đó, kiến nghị hoàn thiện pháp luật phá sản theo hướng bảo đảm tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ nợ.

**Từ khóa:** Bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng; chủ nợ; Luật Phá sản.

Nhận bài: 10/8/2024

Hoàn thành biên tập: 28/8/2024

Duyệt đăng: 04/9/2024

**Abstract:** The article focuses on analyzing some provisions in the 2014 Bankruptcy Law to clarify the issue of protecting the legitimate rights and interests of creditors, and analyze the shortcomings in current legal regulations, thereby proposing to improve bankruptcy law in the direction of better ensuring the legitimate rights and interests of creditors.

**Keywords:** Protection of legitimate rights and interests; creditors; Bankruptcy Law.

Article received: 10/8/2024

Editing completed: 28/8/2024

Approved for publication: 04/9/2024

## 1. Đặt vấn đề

Trong quá trình giải quyết thủ tục phá sản một doanh nghiệp, chủ thể có quyền lợi bị ảnh hưởng nhiều nhất là các chủ nợ. Do đó, việc bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của chủ nợ trong các quy định pháp luật về phá sản là rất cần thiết. Cùng với quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật về phá sản ở Việt Nam, việc ban hành các quy định nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của chủ nợ được quan tâm và có nhiều thay đổi cho phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội, cũng như hài hòa lợi ích của doanh nghiệp và chủ nợ. Luật Phá sản năm 2014 cũng đã có những quy định nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chủ nợ khi giải quyết thủ tục phá sản doanh nghiệp, tuy nhiên, bên cạnh đó, còn một số vướng mắc, bất cập liên quan đến vấn đề này cần được tháo gỡ nhằm bảo đảm tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của chủ nợ trên thực tế.

## 2. Vấn đề bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của chủ nợ theo quy định của Luật Phá sản năm 2014

**Thứ nhất,** quyền và lợi ích chính đáng của chủ nợ được bảo đảm thông qua các quy định liên quan đến thời điểm mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.

Là một trong những yếu tố quyết định sự thành bại của thủ tục phục hồi doanh nghiệp, do đó, việc xác định thời điểm mở thủ tục phá sản doanh nghiệp hợp lý và kịp thời là hết sức quan trọng. Nếu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp quá sớm trong khi doanh nghiệp vẫn có thể tự khắc phục được khó khăn thì sẽ làm triệt tiêu sự năng động, sáng tạo của các doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và làm lãng phí công sức, tiền bạc và thời gian của doanh nghiệp mắc nợ và của Nhà nước. Ngược lại, nếu mở thủ tục quá muộn, tình trạng của doanh nghiệp đã ở mức trầm trọng, tài sản của doanh nghiệp gần như không còn thì ngoài việc không thể phục hồi được doanh nghiệp, quyền lợi của người lao động, của các chủ nợ và của xã hội nói chung cũng không được bảo đảm.

Trước hết, cần thấy rằng, pháp luật phá sản là

công cụ bảo vệ một cách có hiệu quả nhất quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ nợ. Chủ nợ là một chủ thể quan trọng và có vai trò quyết định trong việc giải quyết một số vấn đề cơ bản phát sinh từ thủ tục phá sản. Trong thủ tục phá sản, chủ nợ là người đi đòi nợ, vì vậy, vị thế của họ hoàn toàn khác với vị thế của doanh nghiệp, hợp tác xã với tư cách là người trả nợ. Do đó, Điều 5 Luật Phá sản năm 2014 quy định những chủ thể có quyền và nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, trong đó, quy định cụ thể về quyền được nộp đơn của các chủ nợ không có bảo đảm và có bảo đảm một phần như sau: “Chủ nợ không có bảo đảm, chủ nợ có bảo đảm một phần có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi hết thời hạn 03 tháng kể từ ngày khoản nợ đến hạn mà doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán”<sup>1</sup>.

Bên cạnh đó, để tạo điều kiện hơn cho các chủ nợ thực hiện quyền của mình, khoản 2 Điều 26 Luật Phá sản năm 2014 đã đơn giản hóa các điều kiện họ phải đáp ứng khi nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. Theo Luật Phá sản doanh nghiệp năm 1993, các chủ nợ khi thực hiện quyền này phải cung cấp cho Tòa án các giấy tờ, tài liệu chứng minh doanh nghiệp mất khả năng thanh toán nợ đến hạn. Tuy nhiên, đây là một việc hết sức khó khăn cho các chủ nợ. Vì vậy, để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các chủ nợ trong việc nộp đơn, khoản 2 Điều 26 Luật Phá sản năm 2014 đã quy định đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản của chủ nợ chỉ cần có những nội dung: Ngày, tháng, năm làm đơn; tên Tòa án có thẩm quyền giải quyết phá sản; tên, địa chỉ của người làm đơn; tên, địa chỉ của doanh nghiệp, hợp tác xã bị yêu cầu mở thủ tục phá sản; khoản nợ đến hạn (kèm theo đơn phải có chứng cứ chứng minh các khoản nợ đến hạn).

**Thứ hai, Hội nghị chủ nợ được tổ chức nhằm biểu quyết những vấn đề quan trọng nhất liên quan đến lợi ích của chủ nợ.**

Thủ tục phá sản là thủ tục đòi nợ tập thể. Điều đó có nghĩa, trong thủ tục phá sản, mặc dù có nhiều chủ nợ tham gia nhưng từng người trong số họ không thể “xé lẻ” để đòi nợ riêng cho mình mà họ phải tổ chức Hội nghị chủ nợ để thực hiện thủ tục tố tụng phá sản. Hội nghị chủ nợ được quy định tại Chương VI Luật Phá sản năm 2014, có quyền quyết định những vấn đề quan trọng nhất liên quan đến lợi ích của các chủ nợ, đồng thời, có quyền thông qua hoặc không thông qua kế hoạch phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp do con nợ hoặc chủ thể khác được pháp luật quy định soạn thảo. Nếu Hội nghị chủ nợ không thông qua kế hoạch này thì con nợ được coi như không có khả năng phục hồi hoạt động kinh doanh.

Khoản 1 Điều 90 Luật Phá sản năm 2014 quy định về điều kiện để Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã như sau: “Có số chủ nợ tham gia đại diện cho ít nhất 51% số nợ không có bảo đảm. Chủ nợ không tham gia Hội nghị chủ nợ nhưng có ý kiến bằng văn bản gửi cho thẩm phán trước ngày tổ chức Hội nghị chủ nợ, trong đó ghi rõ ý kiến cụ thể về việc thông qua hoặc không thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã thì coi như chủ nợ tham gia Hội nghị chủ nợ”. Việc xác định điều kiện thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh dựa trên sự đồng ý của ít nhất 51% số chủ nợ không có bảo đảm nhằm tạo điều kiện cho các chủ nợ tham gia một cách tích cực và chủ động hơn vào quá trình phục hồi hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã. Quy định này cho thấy vai trò chủ động của chủ nợ trong việc giải quyết phá sản luôn được đề cao. Không những vậy, ngay cả khi phương án phục hồi hoạt động kinh doanh đã được thông qua nhưng trong quá trình thực hiện, nếu chưa thực sự hiệu quả hoặc không phù hợp thì chủ nợ và doanh nghiệp, hợp tác xã có quyền thỏa thuận về việc sửa đổi, bổ sung phương án này, sau đó, thỏa

thuận này sẽ được chấp nhận khi được quá nửa tổng số chủ nợ không có bảo đảm có mặt và đại diện cho từ 65% tổng số nợ không có bảo đảm trở lên biểu quyết tán thành<sup>2</sup> (khoản 1, khoản 2 Điều 94 Luật Phá sản năm 2014). Với quy định này, các chủ nợ sẽ có thêm cơ hội để tự mình đề xuất phương án phục hồi hoạt động kinh doanh mà mình cho là phù hợp nhất để “cứu” doanh nghiệp, hợp tác xã mà thực chất là tự “cứu” mình.

*Thứ ba, mục đích của những quy định liên quan đến bảo vệ tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chủ nợ.*

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chủ nợ, Luật Phá sản năm 2014 cũng có quy định bảo vệ tài sản của doanh nghiệp. Theo đó, khoản 1 Điều 48 Luật Phá sản năm 2014 chỉ rõ bốn trường hợp hoạt động làm thất thoát và sụp đổ tài sản của doanh nghiệp, đó là: Cất giấu, tẩu tán tài sản; thanh toán nợ không có bảo đảm; từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ; chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành nợ có bảo đảm hoặc có bảo đảm một phần bằng tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã.

Vốn hoặc tài sản của doanh nghiệp là sự bảo đảm cho các chủ nợ sẽ thu hồi lại số tiền đã cho vay. Nếu tài sản này bị mất đi một cách trực tiếp hay gián tiếp thì các chủ nợ sẽ bị thiệt hại. Vì vậy, pháp luật bảo vệ quyền của họ bằng cách tuyên bố cấm doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện các hoạt động nói trên. Ngoài quy định tại Điều 48, khoản 1 Điều 59 Luật Phá sản năm 2014 còn quy định, các giao dịch của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán được thực hiện trong khoảng thời gian 06 tháng trước ngày Tòa án nhân dân ra quyết định mở thủ tục phá sản bị coi là vô hiệu nếu thuộc một trong các trường hợp: (i) Giao dịch liên quan đến chuyển nhượng tài sản không theo giá thị trường; (ii) Chuyển khoản nợ không có bảo đảm thành nợ có bảo đảm hoặc có bảo đảm một phần bằng tài sản của doanh nghiệp, hợp tác

xã; (iii) Thanh toán hoặc bù trừ có lợi cho một chủ nợ đối với khoản nợ chưa đến hạn hoặc với số tiền lớn hơn khoản nợ đến hạn; (iv) Tặng cho tài sản; (v) Giao dịch ngoài mục đích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã; (vi) Giao dịch khác với mục đích tẩu tán tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã.

### **3. Một số bất cập, vướng mắc trong quy định của Luật Phá sản năm 2014 liên quan đến bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các chủ nợ**

*Thứ nhất, vướng mắc trong giai đoạn nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.*

Theo quy định của Luật Phá sản năm 2014, khi các chủ nợ không có bảo đảm hoặc có bảo đảm một phần nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản cần phải có chứng cứ chứng minh các khoản nợ đến hạn. Tuy nhiên, quy định này có thể xem là một trở ngại khá lớn đối với các chủ nợ khi nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, đặc biệt khi khoản nợ này không xuất phát từ hợp đồng vay, mượn hoặc hợp đồng tín dụng mà nó chỉ xuất phát từ việc không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc hợp đồng cung ứng dịch vụ. Vậy, trong trường hợp này, có được xem là khoản nợ không, hay chỉ là sự vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng? Chẳng hạn, Công ty B và Công ty A ký hợp đồng mua bán hàng hóa nhưng sau đó, Công ty A lại không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khi đã nhận được hàng từ Công ty B. Quá thời hạn thanh toán mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng Công ty A vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Công ty B muốn nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản cần có chứng cứ chứng minh là giấy xác nhận nợ của Công ty A và Công ty A mất khả năng thanh toán khoản tiền này. Tuy nhiên, với tình huống này, vẫn có khả năng Công ty A chỉ chậm nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng, khi đó, Công ty B sẽ không đủ điều kiện để nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với Công ty A. Bởi lẽ, Luật Phá sản năm 2014 không xem việc chậm thực

hiện nghĩa vụ thanh toán là một món nợ để phát sinh quyền nộp đơn yêu cầu của chủ nợ, chỉ khi các bên khởi kiện giải quyết tranh chấp vi phạm nghĩa vụ hợp đồng và có bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án thì đây mới được xem là chứng cứ cho việc xác nhận khả năng không thanh toán các khoản nợ đến hạn của doanh nghiệp. Chính vì vậy, điều này dẫn đến cản trở cho các chủ nợ khi thực hiện quyền của mình và kéo dài thời gian giải quyết thủ tục phá sản gây ảnh hưởng lớn đến quyền lợi chính đáng của chủ nợ.

*Thứ hai, trách nhiệm thông báo doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán theo khoản 1 Điều 6 Luật Phá sản năm 2014 là chưa phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.*

Khoản 1 Điều 6 Luật Phá sản năm 2014 quy định: “Cá nhân, cơ quan, tổ chức khi phát hiện doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho những người có quyền, nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản quy định tại Điều 5 của Luật này”. Tuy nhiên, chủ thể có trách nhiệm thông báo theo quy định này lại không phù hợp với các tổ chức tín dụng, vì theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, các tổ chức tín dụng không được cung cấp thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng. Do vậy, trường hợp các tổ chức tín dụng nếu biết tình trạng doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn cũng không thể thực hiện trách nhiệm thông báo cho những người có quyền, nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu thủ tục phá sản.

*Thứ ba, điều kiện thông qua nghị quyết của Hội nghị chủ nợ chưa thực sự bảo đảm quyền lợi của chủ nợ có bảo đảm một phần. Ngoài ra, việc thực hiện quy định thông qua nghị quyết của Hội nghị chủ nợ theo Luật Phá sản năm 2014 còn gặp một số vướng mắc.*

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Phá sản năm 2014: “Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ được thông qua khi có quá nửa tổng số chủ nợ không có bảo đảm có mặt và đại diện cho từ 65% tổng số nợ không có bảo đảm trở lên biểu quyết tán thành...”. Với quy định này, Luật Phá sản năm 2014 chưa thực sự bảo đảm được quyền biểu quyết của các chủ nợ có bảo đảm một phần. Việc tham dự Hội nghị chủ nợ là quyền lợi của các chủ nợ, vì vậy, khi tham gia Hội nghị chủ nợ, họ cũng muốn được biểu quyết để thông qua quyết định trong Hội nghị chủ nợ nhằm thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Hơn nữa, đối với các chủ nợ có bảo đảm một phần vẫn có một phần trong khoản nợ của họ không được bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp. Vì vậy, nếu số lượng các khoản nợ có bảo đảm một phần chiếm đa số so với khoản nợ không có bảo đảm và các chủ nợ không có bảo đảm không tham dự Hội nghị chủ nợ thì Hội nghị này cũng không được diễn ra và khi đó sẽ không có nghị quyết của Hội nghị chủ nợ. Điều này sẽ không thực sự bảo đảm được quyền và lợi ích hợp pháp cho các chủ nợ có bảo đảm một phần, nhất là khi các chủ nợ này muốn thông qua Hội nghị chủ nợ để nói lên tiếng nói của mình và mong muốn có thể đi đến các thỏa thuận liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho phần không bảo đảm trong khoản nợ của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán hoặc các vấn đề liên quan đến thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của con nợ.

Điều kiện để nghị quyết của Hội nghị chủ nợ được thông qua là khi “có quá nửa tổng số chủ nợ không có bảo đảm có mặt” và “đại diện cho từ 65% tổng số nợ không có bảo đảm trở lên biểu quyết tán thành”, với quy định này sẽ rất khó thông qua nghị quyết của Hội nghị chủ nợ trên thực tế. Bởi lẽ, nếu “có quá nửa tổng số chủ nợ không có bảo đảm có mặt” nhưng những chủ nợ không có bảo

đảm này lại không đủ 65% tổng số nợ không có bảo đảm hoặc chủ nợ không có bảo đảm “đại diện cho từ 65% tổng số nợ không có bảo đảm trở lên biểu quyết tán thành” nhưng số lượng chủ nợ này không đủ tỷ lệ “quá nửa tổng số chủ nợ không có bảo đảm có mặt” thì trong cả hai trường hợp này, nghị quyết của Hội nghị chủ nợ cũng không được thông qua và tất nhiên, phiếu biểu quyết của những chủ nợ này khi tham gia Hội nghị chủ nợ không có giá trị pháp lý. Thêm vào đó, việc tính số lượng chủ nợ không có bảo đảm có mặt tại Hội nghị chủ nợ nhưng họ lại đại diện cho 65% tổng số nợ không có bảo đảm là điều bất hợp lý vì họ không thể đại diện cho ý kiến của các chủ nợ không có bảo đảm nhưng không tham gia Hội nghị chủ nợ.

**Thứ tư,** một số quy định của Luật Phá sản năm 2014 chưa thực sự bảo đảm được quyền và lợi ích hợp pháp của chủ nợ có bảo đảm.

Với các chủ nợ có bảo đảm thì khoản nợ của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn đã được bảo đảm bằng tài sản nên họ không có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. Bởi lẽ, những chủ nợ này sẽ dùng tài sản bảo đảm để khấu trừ vào khoản nợ của doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong quá trình xử lý tài sản của doanh nghiệp thì quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ nợ này chưa thực sự được bảo đảm. Cụ thể, trong quy định tại điểm a khoản 1 Điều 53 Luật Phá sản năm 2014, đối với khoản nợ có bảo đảm, “tài sản bảo đảm được sử dụng để thực hiện thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh thì việc xử lý đối với tài sản bảo đảm theo nghị quyết của Hội nghị chủ nợ”. Theo quy định này, việc xử lý tài sản bảo đảm phải chờ đến khi Hội nghị chủ nợ quyết định có sử dụng hay không sử dụng tài sản này để thực hiện thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh. Tất nhiên, với trường hợp này, phần lớn chủ nợ có bảo đảm sẽ không đồng ý cho sử dụng tài sản bảo đảm vào

phương án phục hồi hoạt động kinh doanh vì khả năng họ sẽ bị mất tài sản bảo đảm là rất lớn nếu như doanh nghiệp không phục hồi được hoạt động kinh doanh. Như vậy, với quy định này, Luật Phá sản năm 2014 đang quy định theo hướng để cho các chủ nợ có bảo đảm phải chờ quyết định phục hồi hoạt động kinh doanh trong Hội nghị chủ nợ mới xử lý được tài sản bảo đảm là điều chưa hợp lý.

#### 4. Một số kiến nghị

**Thứ nhất,** cần phải xác định rõ thế nào là một khoản nợ trong các quy định về thủ tục phá sản, nhất là đối với các trường hợp chậm thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa hay cung ứng dịch vụ. Bởi lẽ, Luật Phá sản năm 2014 không coi việc chậm thanh toán cho nghĩa vụ trong hợp đồng là một khoản nợ để làm phát sinh quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. Vì vậy, cần có văn bản hướng dẫn cụ thể về thủ tục để chủ nợ được nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, tránh trường hợp kéo dài thời gian giải quyết ảnh hưởng đến lợi ích của các chủ nợ.

**Thứ hai,** cần điều chỉnh lại quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật Phá sản năm 2014 để bảo đảm sự phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024. Bởi vì, như đã phân tích ở phần trên, theo hướng quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật Phá sản năm 2014 thì các tổ chức tín dụng cũng có trách nhiệm thông báo cho người có quyền và nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. Tuy nhiên, khi thực hiện trách nhiệm này, các tổ chức tín dụng sẽ vi phạm quy định về bảo mật thông tin được quy định trong Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024. Vì vậy, quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật Phá sản năm 2014 có thể điều chỉnh theo hướng: “Cá nhân, cơ quan, tổ chức khi phát hiện doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho những người có quyền, nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu thủ tục phá sản quy định tại Điều 5

của Luật này, trừ trường hợp pháp luật liên quan có quy định khác”. Ngoài ra, cần bổ sung văn bản hướng dẫn để quy định rõ trách nhiệm pháp lý cụ thể khi các cá nhân, cơ quan, tổ chức biết doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán, mặc dù không vi phạm các quy định pháp luật khác nhưng không thực hiện trách nhiệm thông báo này và làm thiệt hại đến các chủ nợ. Điều này sẽ làm tăng trách nhiệm của những chủ thể có nghĩa vụ thông báo và bảo đảm cho quyền và lợi ích hợp pháp của chủ nợ không bị ảnh hưởng.

**Thứ ba,** cần sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 81 và khoản 5 Điều 91 Luật Phá sản năm 2014 theo hướng tính đến lợi ích của chủ nợ có bảo đảm một phần để họ có quyền biểu quyết những vấn đề liên quan đến quyền lợi của mình. Như đã phân tích ở phần trên, quy định tại khoản 2 Điều 81 và khoản 5 Điều 91 Luật Phá sản năm 2014 về điều kiện thông qua nghị quyết của Hội nghị chủ nợ đã gây không ít trở ngại trong quá trình thực hiện. Chính vì vậy, các quy định này cần được sửa đổi theo hướng vừa bảo đảm lợi ích chính đáng cho các chủ nợ có bảo đảm một phần, vừa bảo đảm nghị quyết được thông qua chỉ tính phiếu biểu quyết của các chủ nợ có mặt tại Hội nghị chủ nợ. Theo đó, quy định này có thể sửa đổi theo hướng sau: “Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ được thông qua khi có quá nửa số chủ nợ không có bảo đảm và có bảo đảm một phần đại diện cho từ 65% tổng số nợ không có bảo đảm trở lên của các chủ nợ có mặt tại Hội nghị chủ nợ biểu quyết tán thành”.

**Thứ tư,** cần sửa đổi, bổ sung quy định của Luật Phá sản năm 2014 liên quan đến việc xử lý tài sản bảo đảm của các chủ nợ có bảo đảm, tránh kéo dài

thời gian giải quyết ảnh hưởng đến quyền lợi của chủ nợ có bảo đảm. Theo đó, nên bổ sung quy định tách các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn để xử lý ngay mà không chờ đến khi tiến hành Hội nghị chủ nợ. Đồng thời, quy định cụ thể việc thi hành quyết định xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp đã tách các khoản nợ. Ngoài ra, để bảo đảm tính thống nhất khi bổ sung quy định tách khoản nợ có bảo đảm để xử lý thì cần bổ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 53 Luật Phá sản năm 2014. Có như vậy, sẽ bảo đảm được lợi ích chính đáng, hợp pháp của các chủ nợ có bảo đảm và tránh trường hợp kéo dài thời gian giải quyết tài sản bảo đảm cho các chủ nợ này.

## **5. Kết luận**

Trong quá trình giải quyết thủ tục phá sản doanh nghiệp, việc bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của chủ nợ là vô cùng quan trọng, thể hiện đúng tinh thần và vai trò pháp luật phá sản là để bảo vệ lợi ích của các chủ nợ, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp, thiết lập trật tự kinh doanh trên thương trường. Tuy nhiên, trên thực tế, có không ít doanh nghiệp dựa vào quy định pháp luật về phá sản doanh nghiệp để trốn tránh các nghĩa vụ tài sản đối với các chủ thể khác. Do vậy, việc hoàn thiện các quy định bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các chủ nợ trong mối quan hệ này sẽ giúp các chủ nợ mạnh dạn hơn trong đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển; đồng thời, là cơ chế ràng buộc trách nhiệm của doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh cũng như khi doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản □

1. Khoản 1 Điều 5 Luật Phá sản năm 2014.

2. Khoản 1, khoản 2 Điều 94 Luật Phá sản năm 2014.